TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày 07 - 6 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Đỗ Văn Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Đức Thọ**

Ông **Nguyễn Văn Thành**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: **Ông Nguyễn Thanh Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Hùng C; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1978 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp Thạnh An, xã Thạnh Q, huyện X, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: Khu phố Ninh Thành, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Cha: Lê Văn K, sinh năm 1949; Mẹ: Ngô Thị H, sinh năm 1951; bị cáo có 06 chị em, lớn nhất là sinh năm 1971, nhỏ nhất là sinh năm 1984. Vợ: Ngô Thị V (đã ly hôn); Con: Lê Thị T, sinh năm 1998; Vợ thứ hai: Nguyễn Thị P, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/02/2019 đến ngày 22/4/2019 thì thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

** Bị hại:*

Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1976

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976

Cùng có hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã Lộc T, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

** Người làm chứng:*

Chị: Trần Thị H1, sinh năm 1985

HKTT: Tổ 10, khu phố Ninh Thành , thị trấn N, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/02/2019, Lê Hùng C có cự cãi với chị Nguyễn Thị P (sống như vợ chồng) về vấn đề tiền bạc nên C bỏ nhà ra Quốc lộ 13 để bắt xe về quê tại ấp Thạnh An, xã Q, huyện X, tỉnh T. Trước khi về, C đi bộ đến nhà anh Nguyễn Khắc H thuộc ấp 1, xã Lộc T để rủ anh H uống rượu. Khi đến nhà anh H, C mở cổng đi vào nhà gọi anh H nhưng anh H không trả lời. C nhìn thấy xe mô tô hiệu Wave S biển kiểm soát 93S1- 5941 để ở hiên nhà không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô để bán lấy tiền trả nợ. C đến gần thấy xe mô tô không có chìa khóa xe và không khóa cổ nên C dẫn xe ra ngoài đường, lúc này chị Nguyễn Thị Th (vợ anh H) ở sau nhà đi lên không thấy chiếc xe mô tô Wave S biển số: 93S1-5941 nên chị Th chạy ra ngoài đường phát hiện C đang dẫn xe đi cách nhà khoảng 50m nên chị Th chạy lại chỗ C, cùng lúc đó chị Trần Thị H1, SN 1985, Hộ khẩu thường trú: khu phố Ninh Thành, thị trấn N đi làm về thấy C dẫn xe nên tri hô mọi người xung quanh giữ C và xe mô tô. Sau đó chị Th báo cho Công an đến lập biên bản quả tang.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Lê Hùng C đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe mô tô Wave S biển số: 93S1-5941.

Căn cứ biên bản kết luận định giá tài sản số: 02/02/BBKL.ĐGTS ngày 11/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô Wave S, màu đỏ đen biển số: 93S1-5941 trị giá 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKSLN, ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Lê Hùng C về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i, h khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô Wave S, màu đỏ đen biển số: 93S1-5941 cho chị Nguyễn Thị Th là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo ở nhà làm nuôi vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà xét xử công khai hôm nay, bị cáo đã hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/02/2019, tại ấp 1, xã Lộc T, huyện N, tỉnh Bình Phước, Lê Hùng C có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Wave S, màu đỏ đen biển số: 93S1-5941 của chị Nguyễn Thị Th trị giá 5.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là liều lĩnh, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá nhân được luật pháp bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song do lười biếng lao động, không lo tu chí làm ăn, muốn có tiền trả nợ mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng

người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để có đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và để phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên am hiểu pháp luật còn hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, nghĩ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát giáo dục là cần thiết thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, tại phiên toà bị hại vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1) Tuyên bố bị cáo **Lê Hùng C** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Hùng C 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Bình Phước quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2) Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo, bị hại
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng